BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5197 /QLD-ĐK
V/v công bố danh mục nguyên liệu để sản xuất thuốc theo hồ sơ đăng ký thuốc đã có giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam được nhập khẩu không phải thực hiện cấp phép nhập khẩu - Đợt 164

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2019

Kính gửi: Các cơ sở đăng ký, sản xuất thuốc trong nước.

Căn cứ Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Cục Quản lý Dược thông báo:

Công bố Danh mục nguyên liệu để sản xuất thuốc theo hồ sơ đăng ký thuốc đã có giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam được nhập khẩu không phải thực hiện cấp phép nhập khẩu - Đợt 164 (theo danh mục đính kèm).

Danh mục nguyên liệu để sản xuất thuốc được công bố nêu trên đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược tại địa chỉ: www.dav.gov.vn.

Cục Quản lý Dược thông báo để các công ty sản xuất biết và thực hiện.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT. Vũ Tuấn Cường (để b/c);
- Tổng Cục Hải Quan (để phối hợp);
- Phòng QLKDD;
- Website Cục QLD;
- Lưu: VT, ĐKT (QH).

TUQ. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ THUỐC

BỘ Y TẾ CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Nguyễn Huy Hùng

LuatVietnam
Nhanh và Chuẩn

DANH MỤC NGUYÊN LIỆU ĐỂ SẢN XUẤT THUỐC THEO HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THUỐC ĐÃ CÓ GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM ĐƯỢC NHẬP KHẨU KHÔNG PHẢI THỰC HIỆN CẤP PHÉP NHẬP KHẨU - ĐỢT 164

Đính kèm công văn số 5197 /QLD-ĐK ngày 09 tháng 4 năm 2019

STT	Số giấy đăng ký lưu hành thuốc	Hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành	Tên nguyên liệu làm thuốc được công bố	Tiêu chuẩn chất lượng của nguyên liệu	Tên cơ sở sản xuất nguyên liệu	Tên nước sản xuất nguyên liệu
1	VD-31780-19	27/02/2024	Valsartan	USP 36	Smilax Laboratories Limited	India
2	VD-31780-19	27/02/2024	Hydrochlorothiazide	USP 36	CTX Life Sciences Pvt. Ltd	India
3	VD-31783-19	27/02/2024	Ramipril	EP 7.0	Aarti Industries Limited	India
4	VD-31774-19	27/02/2024	Adrenalin bitartrat	USP 38	Medinex Laboratories Pvt. Ltd	India
5	VD-31785-19	27/02/2024	Cyanocobalamin	USP 38	Ningxia Kingvit Pharmaceutical Co., Ltd	China
6	VD-31784-19	27/02/2024	Cyanocobalamin	USP 38	Ningxia Kingvit Pharmaceutical Co., Ltd	China
7	VD-31775-19	27/02/2024	Cephalexin monohydrate	BP 2014	NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd	China
8	VD-31776-19	27/02/2024	Cefuroxime axetil	USP 35	Nectar Lifesciences Ltd	India
9	VD-31778-19	27/02/2024	Amoxicillin trihydrate	BP 2015	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Pvt. Ltd	India
10	VD-31778-19	27/02/2024	Potassium Clavulanate With Avicel (1:1)	EP 8.0	Sinopharm Weiqida Pharmaceutical Co., Ltd	China
11	VD-31779-19	27/02/2024	Amoxicillin trihydrate	BP 2015	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Pvt. Ltd	India
12	VD-31779-19	27/02/2024	Potassium Clavulanate With Avicel (1:1)	EP 8.0	Sinopharm Weiqida Pharmaceutical Co., Ltd	China
13	QLĐB-744-19	27/02/2022	Tenofovir disoproxil fumarate	NSX	Acebright (India) Pharma Pvt. Ltd.	India
14	QLĐB-744-19	27/02/2022	Lamivudine	USP 40	Shijiazhuang Lonzeal Pharmaceuticals Co., Ltd	China
15	QLĐB-744-19	27/02/2022	Efavirenz	USP 40	Shanghai Desano Chemical Pharmaceutical Co.,Ltd	China

LuatVietnam
Nhanh và Chuẩn

STT	Số giấy đăng ký lưu hành thuốc	Hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành	Tên nguyên liệu làm thuốc được công bố	Tiêu chuẩn chất lượng của nguyên liệu	Tên cơ sở sản xuất nguyên liệu	Tên nước sản xuất nguyên liệu
16	VD-31560-19	27/02/2024	Pyridoxine hydrochloride	BP 2013	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd.	China
17	VD-31561-19	27/02/2024	Etoricoxib	NSX	Virdev intermediates Pvt. Ltd	India
18	VD-31562-19	27/02/2024	Lincomycin hydrochloride	EP 8	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd	China
19	VD-31563-19	27/02/2024	Enalapril maleate	USP 35	Ultratech India Limited	India
20	VD-31564-19	27/02/2024	Alimemazine tartrate	EP 8	Sanofi Chimie	France
21	VD-31565-19	27/02/2024	Amisulpride	EP 9	Hubei Haosun Pharmaceutical Co., Ltd	China
22	VD-31566-19	27/02/2024	Amisulpride	EP 9	Hubei Haosun Pharmaceutical Co., Ltd	China
23	VD-31567-19	27/02/2024	Amisulpride	EP 9	Hubei Haosun Pharmaceutical Co., Ltd	China
24	VD-31569-19	27/02/2024	Cilostazol	USP 38	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	India
25	VD-31570-19	27/02/2024	Itraconazole pellets 22.0% w/w	NSX	Murli Krishna Pharma Pvt. Ltd.	India
26	VD-31571-19	27/02/2024	Fenofibrate Micronized	EP 8	Olon S.p.A	Italy
27	VD-31572-19	27/02/2024	Gemfibrozil	USP 36	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	China
28	VD-31573-19	27/02/2024	Nizatidine	USP 38	Korea biochem pharm	Korea
29	VD-31786-19	27/02/2024	Dexpanthenol	EP 7.0	DSM Nutritional Product Ltd.	Switzerland
30	VD-31787-19	27/02/2024	Clotrimazol	USP 38	Changzhou Yabang Pharmaceutical Co.,Ltd	China
31	VD-31789-19	27/02/2024	Isoniazid	BP 2014	Tianjin Handewei Pharmaceutical Co.,Ltd	China
32	VD-32203-19	27/02/2024	Flurbiprofen	USP 40	METROCHEM API PRIVATE LIMITED	Ấn Độ
33	VD-32204-19	27/02/2024	Celecoxib	USP 40	Aarti Drugs Limited	Ấn Độ
34	VD-31614-19	27/02/2024	Promethazin hydrocloride	USP 38	Ningbo honor chemtech Co., Ltd	China
35	VD-31614-19	27/02/2024	Promethazin hydrocloride	USP 38	Dandong Qianjin Pharmaceutical Material Co., Ltd	China
36	VD-31614-19	27/02/2024	Promethazin hydrocloride	EP 8.0	Egis Pharmaceuticals PLC	Hungary

LuatVietnam
Nhanh và Chuẩn

STT	Số giấy đăng ký lưu hành thuốc	Hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành	Tên nguyên liệu làm thuốc được công bố	Tiêu chuẩn chất lượng của nguyên liệu	Tên cơ sở sản xuất nguyên liệu	Tên nước sản xuất nguyên liệu
37	VD-31615-19	27/02/2024	Methocarbamol	USP 40	Ningbo Smart Pharmaceutical Co., Ltd.	China
38	VD-31616-19	27/02/2024	Propranolol hydrocloride	BP 2016	Changzhou Yabang Pharmaceutical Co., Ltd.	China
39	VD-31617-19	27/02/2024	Desloratadin	EP 8.0	ABHILASHA PHARMA PVT. Ltd	India
40	VD-31617-19	27/02/2024	Desloratadin	TCCS	Morepen Laboratories Limited.	India
41	VD-31619-19	27/02/2024	Docusate natri	USP 38 EP7 BP2013	CYTEC INDUSTRIES INC.	USA
42	VD-31620-19	27/02/2024	Calcium lactate pentahydrate	BP 2016	Vasa Pharmachem Pvt. Ltd	India
43	VD-31620-19	27/02/2024	Calcium lactate pentahydrate	USP 40	Luoyang Longmen Pharmaceutical Co., LTD	China
44	VD-31620-19	27/02/2024	Thiamine hydrochloride	EP 8.0	DSM Nutritional Products GmbH	Germany
45	VD-31620-19	27/02/2024	Riboflavin sodium phosphate	USP 40	Harman Finochem Limited	India
46	VD-31620-19	27/02/2024	Riboflavin sodium phosphate	EP 8.0	DSM Nutritional Products France	France
47	VD-31620-19	27/02/2024	Pyridoxine hydrochloride	EP 8.0	DSM Nutritional Products GmbH	Germany
48	VD-31620-19	27/02/2024	Cholecalciferol	EP 8.0	DSM Nutritional Products France	France
49	VD-31620-19	27/02/2024	Cholecalciferol	USP 40	BASF SE	Germany
50	VD-31620-19	27/02/2024	Alpha tocopheryl acetate	EP 8.0	DSM Nutritional Products AG	Switzerland
51	VD-31620-19	27/02/2024	Nicotinamide	BP 2016	AMSAL CHEM PVT. LTD	India
52	VD-31620-19	27/02/2024	Dexpanthenol	EP 8.0	DSM Nutritional Products (UK) Ltd.	UK
53	VD-31620-19	27/02/2024	Dexpanthenol	EP 8.0	BASF SE	Germany
54	VD-31620-19	27/02/2024	Lysine hydrochloride	USP 40	Shreenath Chemicals	India
55	VD-31622-19	27/02/2024	Naphazoline Hydrochloride	USP 38	Precise Chemipharma PVT.LTD.	India
56	VD-31622-19	27/02/2024	Naphazoline Hydrochloride	EP 9.0, BP 2016, TCCS	Loba Feinchemie Gmbh	Austria

LuatVietnam
Nhanh và Chuẩn

STT	Số giấy đăng ký lưu hành thuốc	Hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành	Tên nguyên liệu làm thuốc được công bố	Tiêu chuẩn chất lượng của nguyên liệu	Tên cơ sở sản xuất nguyên liệu	Tên nước sản xuất nguyên liệu
57	VD-31623-19	27/02/2024	Paracetamol	BP2016/USP40 /EP8.0	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	China
58	VD-31623-19	27/02/2024	Paracetamol	EP 8.0	Lianyungang Kangle Pharmaceutical Co., Ltd.	China
59	VD-31612-19	27/02/2024	Adenosine	BP 2016/ EP 8.0/ USP 40	Prime European Therapeuticals S.P.A – Euticals S.P.A	Italia
60	VD-31618-19	27/02/2024	Digoxin	BP 2016/ EP8	Vital Laboratories Private Limited	India
61	VD-31618-19	27/02/2024	Digoxin	USP38/ BP 2016/ EP8	Alchem International Private Limited	India
62	VD-31618-19	27/02/2024	Digoxin	USP38/ BP 2016/ EP8	Deccan Nutraceuticals Private Limited	India
63	VD-31618-19	27/02/2024	Digoxin	USP38/ BP 2016/ EP8	Nobilus Ent Tomasz Kozluk (Nobilus Ent)	Poland
64	VD-31621-19	27/02/2024	Ketorolac trometamol	BP 2014	Recordati S.P.A	Italia
65	VD-31621-19	27/02/2024	Ketorolac trometamol	USP 38	QUÍMICA SINTÉTICA, S.A..	Spain
66	VD-31621-19	27/02/2024	Ketorolac trometamol	USP 38	Shangdong Newtime Pharmaceutical Co., Ltd	China
67	VD-31621-19	27/02/2024	Ketorolac trometamol	EP 8, BP 2014	Union Quimico Farmaceutica, S.A.	Spain
68	VD-31624-19	27/02/2024	Tobramycin sulfate	USP 40	Biovet JSC.	Bulgaria
69	VD-31624-19	27/02/2024	Tobramycin sulphate	USP 40	Xellia Pharmaceuticals ApS	Denmark

LuatVietnam
Nhanh và Chuẩn

STT	Số giấy đăng ký lưu hành thuốc	Hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành	Tên nguyên liệu làm thuốc được công bố	Tiêu chuẩn chất lượng của nguyên liệu	Tên cơ sở sản xuất nguyên liệu	Tên nước sản xuất nguyên liệu
70	VD-31624-19	27/02/2024	Tobramycin sulfate	USP40/TCCS	LIVZON GROUP FUZHOU FUXING PHARMACEUTICAL CO., LTD	China
71	VD-31751-19	27/02/2024	Ticegrelor	TC NSX	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	India
72	VD-31773-19	27/02/2024	Granisetron hydrochloride	TC NSX	Mustafa Nevzat Ilac Sanayii A.S.	Turkey
73	VD-31819-19	27/02/2024	Alphachymotrypsin	USP 41	Enzymeking Biotechnology Co., Ltd	China
74	VD-31820-19	27/02/2024	Alphachymotrypsin	USP 41	Enzymeking Biotechnology Co., Ltd	China
75	VD-31821-19	27/02/2024	Alphachymotrypsin	USP 41	Enzymeking Biotechnology Co., Ltd	China
76	VD-31822-19	27/02/2024	Alphachymotrypsin	USP 41	Enzymeking Biotechnology Co., Ltd	China
77	VD-31823-19	27/02/2024	Etoricoxib	IP 2014	Metrochem Api Private Limited	India
78	VD-31824-19	27/02/2024	Alverin citrate	EP 8.0	Jiangsu Cale New Material Co., Ltd	China
79	VD-32297-19	27/02/2024	Sulfasalazine	USP38	Zhejiang Jiuzhou Pharmaceutical Co., Ltd	China
80	VD-32385-19	27/02/2024	Linezolid	TC NSX	Symed Labs Limited	India
81	VD-32386-19	27/02/2024	Lercanidipine hydrochloride	TC NSX	Glenmark Generics Limited	India
82	VD-32387-19	27/02/2024	Deferiprone	TC NSX	Aarti Industries Limited	India
83	VD-32449-19	27/02/2024	Ebastine	JP 16	Nactar Lifesciences Ltd	India
84	VD-31992-19	27/02/2024	Metformin hydrochloride	DĐVN IV	AURO LABORATORIES LIMITED	India
85	VD-31987-19	27/02/2024	Alphachymotrypsin	USP 38	Enzymeking Biotechnology Co., Ltd.	China
86	VD-31988-19	27/02/2024	Desloratadin	USP 40	MOREPEN LABORATORIES LIMITED	India
87	VD-31989-19	27/02/2024	Dextromethorphan hydrobromide	USP 40	Wockhardt Limited	India

LuatVietnam
Nhanh và Chuẩn

STT	Số giấy đăng ký lưu hành thuốc	Hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành	Tên nguyên liệu làm thuốc được công bố	Tiêu chuẩn chất lượng của nguyên liệu	Tên cơ sở sản xuất nguyên liệu	Tên nước sản xuất nguyên liệu
88	VD-31990-19	27/02/2024	Paracetamol	EP 8.0	Novacyl Wuxi Pharmaceutical Co.Ltd	China
89	VD-31990-19	27/02/2024	Chlorpheniramine maleate	BP 2016	Supriya lifescience Ltd	India
90	VD-31991-19	27/02/2024	Loratadine	USP 38	VASUDHA PHARMA CHEM LTD	India
91	VD-31993-19	27/02/2024	Loperamide hydrochloride	USP 40	Vasudha Pharma Chem Limited	India
92	VD-31994-19	27/02/2024	Prednisolone	BP 2014	Tianjin Tianyao Pharmaceuticals Co., Ltd	China
93	VD-31995-19	27/02/2024	Dried ferrous sulfat	USP 41	Canton Laboratories PVT.Ltd	India
94	VD-31995-19	27/02/2024	Folic acid	EP 9.0	DSM Nutritional Products Ltd	Singapore
95	VD-31997-19	27/02/2024	Sodium benzoate	NF 30	Emerald Performance materials	USA
96	VD-31424-19	27/02/2024	Paracetamol	USP 35	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co.,Ltd	China
97	VD-31425-19	27/02/2024	Fexofanadin hydroclirid	USP 35	Vasudha Pharma Chem Limited	India
98	VD-31426-19	27/02/2024	Cefdinir	USP 40	Parabolic Drugs Ltd.	India
99	VD-31427-19	27/02/2024	Cefdinir	USP 40	Parabolic Drugs Ltd.	India
100	VD-31428-19	27/02/2024	Cephalexin (dùng dưới dạng Cefalexin monohdrat)	BP 2013	Lupin Limited	India
101	VD-31429-19	27/02/2024	Cefadroxil (dùng dưới dạng cefadroxil monohydrat)	USP 37	DSM Sinochem Pharmaceuticals Spain S.A	Spain
102	VD-31430-19	27/02/2024	Cefadroxil (dùng dưới dạng cefadroxil monohydrat)	USP 37	DSM Sinochem Pharmaceuticals Spain S.A	Spain
103	VD-31432-19	27/02/2024	Magnesi lactat dihydrat	EP 7	Zhengzhou Ruipu Biological Engineering Co.,Ltd	China
104	VD-31432-19	27/02/2024	Pyridoxin hydroclorid	BP 2013	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd.	China
105	VD-31544-19	27/02/2024	Ebastine	BP 2013	Bal Pharma Limited	India
106	VD-31545-19	27/02/2024	Roxithromycin	EP 8	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd	China
107	QLĐB-753-19	27/02/2022	Solifenacin succinate	EP 8.6	Medichem Manufacturing (Malta) Limited	Malta

LuatVietnam
Nhanh và Chuẩn

STT	Số giấy đăng ký lưu hành thuốc	Hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành	Tên nguyên liệu làm thuốc được công bố	Tiêu chuẩn chất lượng của nguyên liệu	Tên cơ sở sản xuất nguyên liệu	Tên nước sản xuất nguyên liệu
108	QLĐB-754-19	27/02/2022	Solifenacin succinate	EP 8.6	Medichem Manufacturing (Malta) Limited	Malta
109	VD-31751-19	27/02/2024	Ticagrelor	TC NSX	Glenmark Pharmaceutical Limited	India
110	VD-31773-19	27/02/2024	Granisetron hydrochloride	TC NSX	Mustafa Nevzat Ilac Sanayii A.S. - API Plant	Turkey
111	VD-31984-19	27/2/2024	Amlodipine besilate	EP 7	Ercros	Spain
112	VD-31591-19	27/02/2024	Acyclovir	USP 38	Zhejiang Zhebei Pharmaceutical Co.Ltd	China
113	VD-31592-19	27/02/2024	Amikacin sulfate	USP 38	ACS Dobfar S.p.a	Italy
114	VD-31594-19	27/02/2024	Sitagliptin phosphate (dưới dạng monohydrate)	USP 39	HARMAN FINOCHEM LIMITED	India
115	VD-31595-19	27/02/2024	Sitagliptin phosphate (dưới dạng monohydrate)	USP 40	MSN Pharmachem Private Limited	India
116	VD-31596-19	27/02/2024	Thiocolchicoside	Nhà sản xuất	ZEON-HEALTH INDUSTRISE	India
117	VD-31597-19	27/02/2024	Gabapentin	USP 38	ZHEJIANG CHIRAL MEDICINE CHEMICALS CO., LTD.	China
118	VD-31598-19	27/02/2024	Hyoscine butylbromide	BP 2016	VITAL LABORATORIES PRIVATE LIMITED	India
119	VD-31600-19	27/02/2024	Sucralfate	USP 38	NORTHEAST PHARMACEUTICAL GROUP CO., LTD.	China
120	VD-31601-19	27/02/2024	Telmisartan	EP 8.0	JIANGSU ZHONGBANG PHARMACEUTICAL CO., LTD.	China
121	VD-31599-19	27/02/2024	Ezetimibe	USP 40	LUPIN LIMITED	India
122	VD-31599-19	27/02/2024	Atorvastatin calcium	USP 40	MOREPEN LABORATORIES LIMITED	India
123	VD-32510-19	20/03/2024	Miconazol nitrat	BP 2013	Farchemia S.r.l.	Italy
124	VD-32509-19	20/03/2024	Sulfamethoxazol	BP 2013	Virchows	India

LuatVietnam
Nhanh và Chuẩn

STT	Số giấy đăng ký lưu hành thuốc	Hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành	Tên nguyên liệu làm thuốc được công bố	Tiêu chuẩn chất lượng của nguyên liệu	Tên cơ sở sản xuất nguyên liệu	Tên nước sản xuất nguyên liệu
125	VD-32509-19	20/03/2024	Trimethoprim	BP 2013	SHOUGUANG FUKANG PHARMACEUTICAL CO., LTD	Trung Quốc
126	VD-32508-19	20/03/2024	Piracetam	BP 2012	Microsin S.R.L.	Romania
127	VD-31970-19	27/02/2024	Amoxicilin trihydrate	USP 37	DSM Anti-Infective India Limited	India
128	VD-31970-19	27/02/2024	Sulbactam pivoxil	NSX	Zhejiang Xinhua Pharmaceutical Co., Ltd	China
129	VD-31946-19	27/02/2024	Dihydroartemisinin	CP 2010	Hangzhou Viwa Co., Ltd.	China
130	VD-31946-19	27/02/2024	Piperaquine phosphate	CP 2015	Chongqing Kangle Pharma	China
131	VD-31947-19	27/02/2024	Oxacilin sodium monohydrate	EP 8	Aurobindo Pharma Limited	India
132	VD-31948-19	27/02/2024	Cefotaxim sodium	USP 39	CSPC Zhongnuo Pharmaceutical (Shijiazhuang) Co., Ltd.	China
133	VD-31949-19	27/02/2024	Cefuroxime axetil	USP 38	Nectar Lifesciences Ltd.	India
134	VD-31950-19	27/02/2024	Cefuroxime axetil	USP 38	Nectar Lifesciences Ltd.	India
135	VD-31951-19	27/02/2024	Sterile Glutathione Sodium Lyophilized	NSX	Wuxi Jida Pharmaceutical Co., Ltd.	China
136	VD-31952-19	27/02/2024	Loxoprofen sodium hydrate	JP XVI	Weihai Disu Pharmaceutical Co., Ltd	China
137	VD-31953-19	27/02/2024	Acid ascorbic	BP 2016	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu) Co., LTD	China
138	VD-31953-19	27/02/2024	Acid ascorbic	BP 2016	Shandong Luwei Pharmaceutical Co., LTD	China
139	VD-31954-19	27/02/2024	Amoxicillin trihydrate	USP 38	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Private Limited	India
140	VD-31954-19	27/02/2024	Cloxacillin sodium	EP 8	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Private Limited	India
141	VD-31955-19	27/02/2024	Cephalexin (dưới dạng Cephalexin monohydrate compacted)	USP 38	Zhejiang Anglikang Pharmaceutical Co., Ltd	China

LuatVietnam
Nhanh và Chuẩn

STT	Số giấy đăng ký lưu hành thuốc	Hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành	Tên nguyên liệu làm thuốc được công bố	Tiêu chuẩn chất lượng của nguyên liệu	Tên cơ sở sản xuất nguyên liệu	Tên nước sản xuất nguyên liệu
142	VD-31956-19	27/02/2024	Pantoprazole sodium (sterile) (Sterile dry powder of Pantoprazole Sodium)	NSX	Sterile India Pvt., Ltd.	India
143	VD-31957-19	27/02/2024	Rabeprazole Sodium Hydrate	EP 9	Metrochem API Private Limited	India
144	VD-31958-19	27/02/2024	Spiramycin	EP 8	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd.	China
145	VD-31959-19	27/02/2024	Spiramycin	EP 7	Wuxi Fortune Pharmaceutical Co., Ltd	China
146	VD-31960-19	27/02/2024	Galantamine hydrobromide	EP 8	Indena S.p.A	Italy
147	VD-31962-19	27/02/2024	Phenoxymethylpenicillin Potassium	BP 2016	North China Pharmaceutical Co., Ltd.	China
148	VD-31963-19	27/02/2024	Carbazochrome Sodium sulfonate	JP XVI	Daito Pharmaceutical Co., Ltd.	Japan
149	VD-31964-19	27/02/2024	Carbazochrome Sodium sulfonate	JP XVI	Daito Pharmaceutical Co., Ltd.	Japan
150	VD-31966-19	27/02/2024	Spiramycin	EP 8	Wuxi Fortune Pharmaceutical Co., Ltd	China
151	VD-31967-19	27/02/2024	Spiramycin	EP 8	Wuxi Fortune Pharmaceutical Co., Ltd	China
152	VD-31968-19	27/02/2024	Ceftriaxone Sodium	USP 41	Covalent Laboratories Private Limited	India
153	VD-31969-19	27/02/2024	Pyridoxine hydrochloride	EP 7/USP 37	DSM Nutritional Products GmbH	Germany
154	VD3-22-19	20/3/2022	Dexamethasone acetate	USP 39	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd.	China
155	VD3-22-19	20/3/2022	Nystatin	EP 8	VUAB Pharma a.s.	Czech Republic
156	VD-32524-19	20/03/2024	Cefixime trihydrate	USP 35	Nectar Lifesciences Ltd	India
157	VD-32525-19	20/03/2024	Cefixime trihydrate	USP 35	Nectar Lifesciences Ltd	India
158	VD-32527-19	20/03/2024	Amoxicillin trihydrate	BP 2014	Sinopharm Weiqida Pharmaceutical Co., Ltd	China

LuatVietnam
Nhanh và Chuẩn

STT	Số giấy đăng ký lưu hành thuốc	Hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành	Tên nguyên liệu làm thuốc được công bố	Tiêu chuẩn chất lượng của nguyên liệu	Tên cơ sở sản xuất nguyên liệu	Tên nước sản xuất nguyên liệu
159	VD-32526-19	20/03/2024	Citicoline Sodium	CP 2010	Kaiping Genuine Biochemical Pharmaceutical co., Ltd	China

Danh mục này bao gồm 159 khoản./.

LuatVietnam
Nhanh và Chuẩn